

Bản án số: 89/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09-6-2026

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Thúy Toàn và ông Trịnh Đình Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2026/TLST-HNGĐ ngày 02-3-2026 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-5-2026 và thông báo mở lại phiên tòa số: 23/2026/TB-TA ngày 26 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980, địa chỉ: Đ, thôn Y, xã H, Thành phố Hà Nội, số căn cước công dân: 001180006190, ngày cấp: 25/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

- Bị đơn: Anh Trần Đức H, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn K, xã Y, tỉnh Lào Cai, số căn cước công dân: 015087011499, ngày cấp: 15/9/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị và anh Trần Đức H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/5/2023 tại UBND xã Đ, huyện Q, Thành phố H (nay là xã H, thành phố Hà Nội). Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống hoà thuận thời gian đầu, sau đó đến năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn trong tất cả mọi mặt của cuộc sống, từ quan điểm sống đến việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, mâu thuẫn kéo dài, không thể có tiếng nói chung nên gia đình luôn căng thẳng, nặng nề. Anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và nhiều lần dùng bạo lực, đe dọa, uy hiếp tinh thần, sức khỏe của chị và người thân của chị.

Chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đức H.

Về nuôi con: Chị và anh Trần Đức H không có con nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Trần Đức H nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã Y, tỉnh Lào Cai nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai đã thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội giải quyết cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Đức H. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn anh Trần Đức H có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã Y, tỉnh Lào Cai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của chị T thì cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh H có nhiều mâu thuẫn, đã được chị và anh H khắc phục nhưng không cải thiện được nên vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết và chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, thể hiện anh H không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị và anh H không có con nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định. Anh H không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Đức H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0000636 ngày 02-03-2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- Lào Cai. Anh Trần Đức H không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND KV2- Lào Cai;
- Phòng THADS KV2- Lào Cai;
- UBND xã Hưng Đạo, TP Hà Nội
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Thu Hương

